

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển 04 trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện thị xã, thành phố;

Theo Thông báo số 100/TB-UBND ngày 17/3/2025 của UBND tỉnh về ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi họp chỉ đạo về việc sắp xếp, bố trí trụ sở của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 47/TTr-STC ngày 19/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển 04 trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; chi tiết cụ thể như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Quyết định điều chuyển tài sản của UBND tỉnh có hiệu lực thi hành; cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận các trụ sở làm việc tại Điều 1 đảm bảo theo quy định của pháp luật có liên quan; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số

151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; đồng thời, thực hiện hoạch toán tăng, giảm tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý các dự án giao thông và dân dụng tỉnh; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, K7, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

DANH SÁCH ĐIỀU CHUYỂN 04 TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan có tài sản điều chuyển	Danh mục tài sản điều chuyển							Cơ quan nhận tài sản điều chuyển	Mục đích sử dụng tài sản sau điều chuyển
		Tên tài sản	Diện tích (m ²)		Giá trị theo sổ kế toán tại thời điểm 31/12/2024 (đồng)					
			Đất	Nhà	Đất		Nhà			
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	Sở Nội vụ	Trụ sở tại địa chỉ số 210 đường Diên Hồng, thành phố Quy Nhơn	1.671,6	1.932,0	42.876.540.000	42.876.540.000	9.578.146.000	8.045.642.640	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Trụ sở làm việc
2	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Trụ sở tại địa chỉ số 45 đường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn	278,4	634,2	9.730.080.000	9.730.080.000	5.472.922.530	4.248.277.221	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trụ sở làm việc
		Trụ sở tại địa chỉ số 20 đường Ngô Thời Nhiệm, thành phố Quy Nhơn	1.085,9	767,8	14.171.386.500	14.171.386.500	8.235.342.725	6.511.685.495	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Trụ sở làm việc
3	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trụ sở tại địa chỉ số 518 - 520 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn	342,5	797,4	8.682.375.000	8.682.375.000	2.577.260.000	1.481.106.791	Ban Quản lý dự án các công trình giao thông và dân dụng tỉnh	Trụ sở làm việc

(Chữ ký)